

Cáp kết nối NEBA-M8G3-U-10-N-M8G3

Số bộ phận: 8078288

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Tuân theo tiêu chuẩn	EN 61076-2-104 EN 61984
Giấy phép	c UL us - Listed (OL)
Mục đích sử dụng	Cáp kết nối kết nối các thiết bị từ trường (cảm biến, bộ truyền động) với bộ điều khiển.
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E253748
Tên cáp	không giá biển báo
tần số kết nối	100
trọng lượng sản phẩm	192 g
Lưu ý áp dụng	Đáp ứng các yêu cầu theo IEC 61010-1 và 61010-2-202, đặc biệt đối với van vận hành bằng điện của Festo. Chỉ các mạch giới hạn năng lượng có dòng điện tối đa là 4 A và điện áp không tải tối đa là 30 V DC mới được phép cung cấp cho các van vận hành bằng điện từ Festo.
Cổng nối điện 1, chức năng	Phía thiết bị hiện trường
Cổng nối điện 1, thiết kế	tròn
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Ổ cắm
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	thẳng
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	3
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	3
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít với hình lục giác SW9 và rãnh dọc
Cổng nối điện 1, gắn chân cắm	Chân 1 = BN Chân 3 = BU Chân 4 = BK
Cổng nối điện 1, màn hình	không có
Cổng nối điện 2, chức năng	Phía điều khiển
Cổng nối điện 2, thiết kế	tròn
Cổng nối điện 2, kiểu kết nối	Giắc cắm
Cổng nối điện 2, đầu ra cáp	thẳng
Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104
Cổng nối điện 2, số cực/dây	3
Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng	3
Cổng nối điện 2, kiểu gắn	Khóa vít với hình lục giác SW9 và rãnh dọc

Đặc tính	Giá trị
Cổng nối điện 2, gán chân cắm	Chân 1 = BN Chân 3 = BU Chân 4 = BK
Cổng nối điện 2, màn hình	không có
Dải điện áp hoạt động DC	0 V...60 V
Lưu ý về dải điện áp hoạt động DC	0 - 30 V cho các ứng dụng UL
Dải điện áp hoạt động AC	0 V...48 V
Lưu ý về dải điện áp hoạt động AC	0 - 30 V cho các ứng dụng UL
Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C	4 A
Độ chịu điện áp xung	1.5 kV
Chiều dài cáp	10 m
Đặc điểm dây dẫn	độ phù hợp của máng xích/phù hợp với rô-bốt chống mài mòn độ bám dính thấp chống cháy và tự dập lửa
Điều kiện kiểm tra	Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu Độ bền xoắn: > 300 000 chu kỳ, ± 270°/ 0,1 m Độ bền khi uốn: > 50000 chu kỳ, bán kính uốn 5 mm Máng xích: > 5 triệu chu kỳ, bán kính uốn 28 mm
Lưu ý về điều kiện kiểm tra đường truyền	thử nghiệm ở 23 °C
Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định	12 mm
Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển	39 mm
Đường kính cáp	3.8 mm
Cấu tạo cáp	3 x 0,25 mm ²
Mặt cắt danh định của dây dẫn	0.25 mm ²
Mức độ bảo vệ	IP65 IP68 IP69K
Lưu ý về mức độ bảo vệ	ở trạng thái lắp
Tính chất đặc biệt	Chống tia cực tím chống thủy phân Chống chịu chất làm mát kháng vi khuẩn Chống dầu chống ôzôn
Sử dụng ngoài trời	Vị trí tiếp xúc trực tiếp với khí hậu ngoài trời cấp D1 dựa trên IEC 60654-1
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-40 °C...85 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	-40 - 50 ° C cho các ứng dụng UL Lưu ý giảm dần
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt	-20 °C...85 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường khi lắp đặt cáp linh hoạt	-20 - 50 ° C cho các ứng dụng UL
Nhiệt độ bảo quản	-25 °C...55 °C
Lưu ý về nhiệt độ bảo quản	trong thời gian ngắn để vận chuyển trong bao bì -40 ... 85 °C
Độ ẩm tương đối	tối đa 93 % ở 40 °C
Chiều cao vận hành định mức	≤ 2000 m NHN
Danh mục quá áp	II
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo các quy định UK RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Các kim loại có hơn 1% đồng, kẽm hoặc niken không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bảng mạch, dây dẫn, bộ kết nối điện và cuộn dây
Loại phòng sạch	Loại 4 theo ISO 14644-1
Ghi chú vật liệu	Không FCKW Tuân thủ RoHS không cadmium không chứa halogen không axit photphoric este

Đặc tính	Giá trị
mức độ ô nhiễm	3
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Vật liệu vỏ bọc cáp	TPE-U(PUR)
Màu vỏ cáp	xám
Vật liệu vỏ	TPE-U(PUR)
nhà màu	màu đen
Vật liệu khóa vít	Kẽm đúc áp lực, mạ niken
Vật liệu của phớt	FPM
Vật liệu các tiếp điểm phích cắm	Hợp kim đồng mạ vàng
Vật liệu vỏ cách điện	PP